

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 / 9 / 2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Trịnh Văn Bé;
 2. Ông Tô Ngọc Liêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 400/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 331/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Kim T, sinh năm 1958; địa chỉ: số A, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim T trình bày, qua tìm hiểu, bà T và ông Nguyễn Thanh K chung sống với nhau vào năm 1983, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/6/1985 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày

09/10/1992. Hiện tại, các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Sau thời 22 năm chung sống, bà T, ông K thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình và ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Đến đầu năm 2005, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung từ khoảng năm 2009 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông K; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Thanh T2 do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Thanh T1 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp ngày 10/12/2003; bản sao trích lục khai sinh của Nguyễn Thanh T2 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp ngày 15/7/2020.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông K chung sống vào năm 1983. Mặc dù, bà T, ông K không đăng ký kết hôn nhưng đây là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không còn sống chung cho đến nay. Ông K vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông K theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, do 02 con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên đề nghị không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh K. Đồng thời, ông K cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà T, ông K đều vắng mặt. Trong đó, bà T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông K theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà T và ông K chung sống, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà T và ông K chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T xác định, sau thời gian chung sống được khoảng 22 năm, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình; ông K có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác. Bà T, ông K không còn sống chung từ khoảng năm 2009 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà T và ông K không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung từ khoảng năm 2009 cho đến nay. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông K nhưng ông K không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông K là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông K theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà T xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/6/1985 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 09/10/1992.

Xét thấy, các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà T không yêu cầu xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà T được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí hôn nhân sơ thẩm do là người cao tuổi. Ông K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh K.

2. Về con chung: Do các con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/6/1985 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 09/10/1992 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Kim T được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí hôn nhân sơ thẩm do là người cao tuổi.

Ông Nguyễn Thanh K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Bà Trần Kim T, ông Nguyễn Thanh K có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã L, huyện C,
- tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình

